

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI

Bản án số: 03/2024/TCDS- ST
Ngày 24-5-2024
V/v Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Đình Văn

- Ông Trương Xuân Vũ

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Diệp Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: Không tham dự

Ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2023/TLST-TCDS ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST- TCDS ngày 12-4-2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST- DS ngày 25-4-2024 giữa:

Nguyên đơn: Anh Triệu Đức P, chị Hoàng Thị Thu V- Có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện L, tỉnh Y

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Xuân T- Giám đốc Công ty Luật TNHH Vũ Trần- có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn- Bà Nguyễn Thị T- Có mặt

Cùng địa chỉ: P201, số 16, đường Trần Quốc Vượng, phường D, quận C, thành phố H

Đồng bị đơn: Anh Mông Ngọc B, chị Hoàng Thị S- Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20-10-2023 và các lời khai tiếp theo của anh Triệu Đức P, chị Hoàng Thị Thu V; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Xuân T; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Do nhu cầu cần tiền để sản xuất kinh doanh, vào ngày 25-02-2022 vợ chồng ông Mông Ngọc B, bà Hoàng Thị S có vay tiền của vợ chồng ông Triệu Đức P, bà Hoàng Thị Thu V số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 1,3%/tháng, thời hạn trả

ngày 25-02-2023. Ông B, bà S có thể chấp 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ông B, bà S ở tại thôn Làng Phạ, xã Y, huyện L, tỉnh Y:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 208 tờ bản đồ số 29, số phát hành CL 441027, số vào sổ cấp GCN: CH01280, do UBND huyện L cấp GCNQSDĐ ngày 18-9-2018, diện tích 312,5 m²; thửa đất ở

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 203 tờ bản đồ số 29, số phát hành CL 441026, số vào sổ cấp GCN: CH01279, do UBND huyện L cấp GCNQSDĐ ngày 18-9-2018, diện tích 1580,2 m²; thửa đất nuôi trồng thủy sản

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 213 tờ bản đồ số 29, số phát hành CL 441028, số vào sổ cấp GCN: CH01281, do UBND huyện L cấp GCNQSDĐ ngày 18-9-2018, diện tích 3994,7 m²; thửa đất trồng cây lâu năm

4. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 218 tờ bản đồ số 29, số phát hành CL 441074, số vào sổ cấp GCN: CH01282, do UBND huyện L cấp GCNQSDĐ ngày 18-9-2018, diện tích 9825 m², thửa đất rừng sản xuất

Ông B, bà S, ông P, bà V cùng ký vào giấy biên nhận vay tiền mặt ngày 25-02-2022

Ông B, bà S trả lãi được hai tháng bằng hình thức chuyển khoản vào các ngày 04-4-2022 và ngày 28-5-2022 với tổng số tiền 7.800.000 đồng. Hết thời hạn Ông B, bà S không trả nợ tiền gốc và lãi theo cam kết trong giấy biên nhận vay tiền ngày 25-02-2022. Mặc dù ông Phòng, bà Vĩnh nhiều lần yêu cầu nhưng Ông B, bà S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay đề nghị Tòa án nhân dân huyện L buộc Ông B, bà S phải trả cho ông Phòng, bà Vĩnh số tiền gốc đã vay 300.000.000 đồng; tiền lãi trên nợ gốc trong hạn 39.000.000 đồng; Lãi chậm trả 452 ngày x 0,028% là 42.903.840 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi 381.903.840 đồng

Tại bản tự khai và các lời khai của bị đơn anh Mông Ngọc B, chị Hoàng Thị S trình bày: Ngày 25-02-2022 anh B và chị Hoàng Thị S có làm giấy biên nhận vay tiền của anh Triệu Đức P, chị Hoàng Thị Thu V với số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 4.000.000 đồng/tháng, thời hạn trả nợ ngày 25-02-2023. Anh B, chị S có thể chấp 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Mông Ngọc B, bà Hoàng Thị S. Vì điều kiện kinh tế khó khăn anh B, chị S chưa trả được tiền cho anh P, chị V. Nay anh P chị V yêu cầu trả nợ anh B chị S đồng ý trả trong vòng 01-03 tháng, tuy nhiên đề nghị xem xét số tiền lãi và yêu cầu anh P, chị V trả lại 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh B, chị S đã thế chấp.

Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết tòa bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về tư cách người tham gia tố tụng:* Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, người được nguyên đơn ủy quyền và bị đơn trong vụ án.

[3] *Yêu cầu số tiền vay:* Ngày 25-02-2022 anh Triệu Đức P, chị Hoàng Thị Thu V và anh Mông Ngọc B, chị Hoàng Thị S có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 1,3%/tháng, thời hạn trả nợ ngày 25-02-2023. Đến nay anh B, chị S chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho anh P, chị V là đúng thực tế.

Đây là giao dịch dân sự được xác lập sau ngày 01-01-2017 đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự số 91/2015 do đó cần áp dụng các quy định này để giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh B thừa nhận ngày 25-02-2022 anh B, chị S có vay của anh P, chị V 300.000.000 đồng, thời hạn trả nợ ngày 25-02-2023, nhưng đến nay chưa trả được số tiền này. Nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện anh B và chị S phải trả số tiền vay gốc 300.000.000 đồng. Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản...*” đồng thời khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”. Trong vụ án này mặc dù quá hạn anh P chị V đã nhiều lần yêu cầu, nhưng anh B, chị S vẫn không thanh toán số tiền trên là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó yêu cầu khởi kiện của anh P, chị V đối với số tiền gốc anh B, chị S vay 300.000.000 đồng có căn cứ chấp nhận, cần buộc anh B, chị S phải trả cho anh P, chị V số tiền đã vay.

[4] *Về lãi xuất:* Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa anh P, chị V, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu anh B phải trả tiền lãi trong đó: Lãi trong hạn: $300.000.000 \text{ đồng} \times 1,3\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 46.800.000 \text{ đồng} - 7.800.000 \text{ đồng}$ (số tiền lãi anh B, chị S đã trả được 02 tháng) = 39.000.000 đồng; lãi quá hạn thời gian tính từ ngày 26-02-2023 đến thời điểm xét xử 452 ngày $\times (300.000.000 + 39.000.000 \text{ đồng}) \times 10\%/\text{tháng} = 42.903.840 \text{ đồng}$

Tổng hai khoản lãi $39.000.000 \text{ đồng} + 42.903.840 \text{ đồng} = 81.903.840 \text{ đồng}$

Xét thấy: Theo quy định khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015: “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản vay trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.....*”.

- Về lãi suất trong hạn 12 tháng (từ ngày 25-02-2022 đến ngày 25-02-2023) nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận 1,3%/tháng nằm trong mức lãi suất giới hạn. Số tiền lãi được tính theo công thức: $300.000.000 \text{ đồng} \times 1,3\%/tháng \times 12 \text{ tháng} = 46.800.000 \text{ đồng} - 7.800.000 \text{ đồng}$ số tiền lãi bị đơn đã thanh toán trả nguyên đơn = 39.000.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 39.000.000 đồng có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật được chấp nhận.

- Về lãi quá hạn trên khoản tiền gốc, lãi trên nợ lãi: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015: “*Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật này*”; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả mức lãi suất quá hạn 10%/năm; thời gian 452 ngày tính từ ngày 26-02-2023 đến thời điểm xét xử là phù hợp quy định của pháp luật, nhưng về số tiền lãi nguyên đơn tính 81.903.840 đồng chưa chính xác. Nay Hội đồng xét xử tính lại: $10\%/năm = 0,83\%/tháng$; thời gian 452 ngày = 14 tháng 25 ngày cụ thể như sau:

Lãi quá hạn: $300.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 14 \text{ tháng} 25 \text{ ngày} = 36.930.000 \text{ đồng}$;

Lãi trên nợ lãi chưa trả = $39.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 14 \text{ tháng} 25 \text{ ngày} = 4.800.900 \text{ đồng}$;

Tổng cộng ba khoản lãi $39.000.000 \text{ đồng} + 36.930.000 \text{ đồng} + 4.800.900 \text{ đồng} = 80.730.900 \text{ đồng}$;

[5] Về hợp đồng thế chấp: Trong hợp đồng vay tài sản ngày 25-02-2022 anh B, chị S có thế chấp 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh P chị V. Xét thấy Phần hợp đồng thế chấp này không được công chứng, chứng thực nên không có hiệu lực. Quá trình giải quyết vụ án anh B, chị S yêu cầu anh P, chị V trả lại 04 giấy chứng nhận này nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí vì vậy không được xem xét giải quyết trong vụ án này, nên được tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên anh P, chị V được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; anh B, chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: $380.730.900 \text{ đồng} \times 5\% = 19.036.545 \text{ đồng}$ (làm tròn số 19.036.000 đồng).

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Triệu Đức P, chị Hoàng Thị Thu V: Buộc anh Mông Ngọc B, chị Hoàng Thị S phải trả cho anh P, chị V số tiền vay gốc và lãi 380.730.900 đồng (ba trăm tám mươi triệu bảy trăm ba mươi nghìn chín trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2- Về án phí:

- Anh Triệu Đức P, chị Hoàng Thị Thu V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh P, chị V được hoàn lại 9.030.000 đồng (chín triệu không trăm ba mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2022/0001130 ngày 27-10-2023 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

- Anh Mông Ngọc B, chị Hoàng Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 19.036.000 đồng (mười chín triệu không trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

3- Quyền kháng cáo: Anh Triệu Đức P, chị Hoàng Thị Thu V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Mông Ngọc B, chị Hoàng Thị S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh